

Đơn vị: Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến
Chương: 821

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
3 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2026**

Căn cứ Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/ 3/ 2026. Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Dân Tiến công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
2	Chi quản lý hành chính				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12.119.155.340	3.401.176.401	0,571	0,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	12.119.155.340	3.401.176.401	0,571	0,000
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				

12

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
6	Chi hoạt động kinh tế	772.000.000	44.205.900	0,060	0,000
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (nguồn 13)	733.000.000	44.205.900	0,060	0,000
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 18)	39.000.000	0	0,000	0,000
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	50.000.000	0	0,000	0,000
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	50.000.000		0,000	0,000
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	240.000.000	27.225.600	0,113	0,000
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	240.000.000	27.225.600	0,113	0,000
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	105.000.000	0,000	0,000	0,000
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	105.000.000	0,000	0,000	0,000
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	150.000.000	8.400.000	0,056	0,000
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150.000.000	8.400.000	0,056	0,000
11	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn về cây trồng, vật nuôi	150.000.000	4.500.000	0,030	0,000
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	150.000.000	4.500.000	0,030	0,000
12	Chi vốn sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và nguồn vốn khác	10.652.155.340	3.316.844.901	0,311	0,000
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	10.652.155.340	3.316.844.901	0,311	0,000
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

12

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 10 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Trần Lê Dũng